

**MÃ HUYỀN THOẠI TRONG VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY**Vũ Thường Linh<sup>a\*</sup>, Nguyễn Phương Khánh<sup>b</sup>

Nhận bài:

28 – 02 – 2018

Chấp nhận đăng:

25 – 06 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

**Tóm tắt:** Huyền thoại là một hiện tượng trung tâm trong lịch sử văn hóa, đồng thời là một phương tiện cổ xưa để nhận thức thực tại xung quanh và bản chất con người. Huyền thoại cũng là mô hình đầu tiên của mọi hệ tư tưởng, là cái nôi nguyên hợp của các loại hình văn hóa khác nhau như văn học, nghệ thuật, tôn giáo và ở mức độ nào đó, cả triết học, thậm chí cả khoa học. Vì vậy, huyền thoại trở thành một “mã”, một kí hiệu nghệ thuật đặc biệt của văn chương nói chung và văn học phương Tây nói riêng. Sức lan tỏa của huyền thoại trong văn học phương Tây hiện đại là nhờ nhiều hình thức kí mã đặc biệt từ biểu tượng, cổ mẫu, tri thức cho đến các mô hình huyền thoại. Bài viết chỉ ra vai trò và ý nghĩa của huyền thoại với tư cách mã kí hiệu và giới thiệu một số mã huyền thoại nổi tiếng trong văn học như *Huyền thoại gốc* (Hành trình của người anh hùng), *Truy tìm Chén Thánh* hay *Chết - tái sinh*.

**Từ khóa:** huyền thoại; mã; kí hiệu học; *Huyền thoại gốc*; Chén Thánh.

**1. Huyền thoại trong đời sống văn hóa và văn học**

Thuật ngữ “huyền thoại” (tiếng Anh: *Myth*, tiếng Nga: *Mif*, tiếng Pháp: *Mythe*) có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp là *Muthos*. Nghĩa khởi nguyên của *Muthos* là “lời, lời nói, câu chuyện, là truyền thuyết, truyền thoại”. Nhưng hiểu sâu hơn thì *Muthos* có nghĩa là những lời nói (thoại) mơ hồ, tối nghĩa (huyền) cần phải giải mã mới tìm được ẩn ý. Đây là một thuật ngữ được nghiên cứu trong nhiều ngành khoa học khác nhau như triết học, văn hóa học, tôn giáo, văn học, lịch sử... Theo *Từ điển văn học (Bộ mới)*: “Huyền thoại là khái niệm chỉ một hình thức tư duy đặc thù của con người thời nguyên thủy, trong đó cái kì ảo che giấu những sự thật, được bảo lưu dưới nhiều dạng thức của đời sống tinh thần nhiều nhóm cư dân trên thế giới và đi vào văn học nghệ thuật. Huyền thoại lấp lánh nhiều nghĩa bí ẩn, do đó, nó thường mang tính đa âm, phát sáng nhiều thông điệp; nó xuất phát từ vô thức tập thể ngày cổ xưa. Nó trở thành những mẫu cổ từ đó các nhà văn sau này khai thác và sáng tạo theo vô thức cá nhân” [7, tr.668-669].

Theo quan niệm phổ biến, huyền thoại là những

truyện kể thiêng liêng, giải thích sự hình thành thế giới, những truyện về các vị thần, các nhân vật được sùng bái..., huyền thoại hướng sự quan tâm đến vũ trụ, mối quan hệ giữa con người và vũ trụ, từ đó trở thành một hiện tượng trung tâm trong lịch sử văn hóa, đồng thời là một phương tiện cổ xưa để nhận thức thực tại xung quanh và bản chất con người. Huyền thoại cũng là mô hình đầu tiên của mọi hệ tư tưởng, là cái nôi nguyên hợp của các loại hình văn hóa khác nhau như văn học, nghệ thuật, tôn giáo và ở mức độ nào đó, cả triết học, thậm chí cả khoa học.

Huyền thoại trở thành phương tiện để phản ánh hiện thực, được thể hiện dưới dạng các cổ mẫu, các mã kí hiệu. Với tư cách là một mạch dẫn văn hóa, một hệ thống kí hiệu, một thứ siêu ngôn ngữ, huyền thoại hiện diện ở khắp mọi nơi. Là một hình thái ý thức của huyền thoại, văn học cũng không nằm ngoài trường lực tác động của “cái nôi nguyên hợp” này. Có thể nói trong bất kì thể loại văn học nào, từ huyền thoại (hay thần thoại - theo cách gọi thường gặp), sử thi đến truyện cổ tích hay thơ ca... đều thấp thoáng trong đó các tích truyện huyền thoại. Điều này lại được Meletinsky chứng minh và khẳng định nhiều lần trong các công trình nghiên cứu của ông về huyền thoại, ví dụ như: truyện cổ tích là một mảnh vỡ được “văng ra” từ huyền thoại, hay “truyện cổ tích thoát thai từ huyền thoại” [6, tr.355],

<sup>a,b</sup>Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

\* Tác giả liên hệ

Vũ Thường Linh

Email: vtlinh@ued.udn.vn

hoặc “nguồn gốc chủ yếu của việc hình thành các sử thi cổ đại là các truyền cổ tích - tráng ca (...) và đặc biệt là huyền thoại” [6, tr.364]. Như vậy, huyền thoại được khởi đi là cội nguồn của văn học. Những câu chuyện thần thoại, truyền thoại phản ánh tâm tư nguyện vọng của con người. Nó phát triển từ hình thức truyền miệng, rồi được ghi chép lại, sáng tác theo hình thức của văn học hiện đại. Trong phê bình văn học nước ngoài, huyền thoại giống với thần thoại và được xem là một nguyên tắc tổ chức cấu trúc của văn học. Quan trọng hơn, văn học và huyền thoại còn có cùng một thuộc tính: khả năng tái hiện những quan niệm chung nhất trong một hình thức cụ thể, cảm tính.

Tuy nhiên sự vận động của văn học cũng góp phần giữ gìn và phát triển yếu tố huyền thoại. Cùng với bao thăng trầm của cuộc sống, văn học đã trải qua nhiều giai đoạn biến đổi về phương pháp sáng tác, hình thành nên những trào lưu văn học khác nhau, bổ sung và thay thế cho nhau. Nếu như thế kỉ XIX là giai đoạn phát triển rực rỡ của những sáng tác thuộc trường phái hiện thực chủ nghĩa thì thế kỉ XX người đọc lại được chứng kiến sự lên ngôi của những sáng tác theo khuynh hướng “huyền thoại hóa”. Tiểu thuyết của J. Joyce, Th. Mann, F. Kafka... thơ của T. S. Eliot, W. B. Yeats... kịch của J. Anouilh, Claudel, Cocteau... là những ví dụ tiêu biểu. Vì thế, thế kỉ XX trong văn học phương Tây được tiểu thuyết gia người Đức - Hermann Broch - đặt tên là “Kỷ nguyên huyền thoại” (*The Mythical Age*). Văn học Việt Nam cũng chớm nở những tác phẩm có dấu vết của huyền thoại như *Con gái thủy thần* (Nguyễn Huy Thiệp), *Hành trang của người đàn bà Âu Lạc* (Võ Thị Hảo), *Người thắng trận*, *Ngũ gia truyện*, *Truyện thuyết viết lại*, *Tội tổ tông* (Tạ Duy Anh)...

Lí do huyền thoại dễ dàng bám rễ vào tác phẩm văn học nghệ thuật bởi huyền thoại có tính biểu tượng, biểu trưng cao. Nhân loại đan cài vào những câu chuyện thần thoại, hoang đường những thông điệp, ý tưởng hay thân phận con người dưới lớp vỏ biểu tượng, hình tượng. Cơ chế của văn học cũng tạo sinh từ những hình tượng, biểu tượng nghệ thuật. Chính điểm chung này đã giúp những biểu tượng huyền thoại dễ dàng tái sinh trong văn học hiện đại với những biến ảo độc đáo nhất. Việc nghiên cứu tác phẩm văn học dưới khía cạnh huyền thoại là một hướng đi cần thiết để lí giải những giá trị thực sự của văn học hiện đại.

## 2. Huyền thoại tồn tại với tư cách mã kí hiệu

Đóng vai trò cực kì quan trọng trong đời sống xã hội của con người, hình thái cấu trúc kí hiệu và hệ thống kí hiệu của nó luôn tồn tại dưới nhiều dạng thức và phạm vi hoạt động rộng khắp. Những mã kí hiệu đó có thể là đèn tín hiệu giao thông, các quy ước về trang phục, tiền giấy... Thậm chí, nó còn xuất hiện trong cơ chế ngôn ngữ tự nhiên của nhân loại cũng như những loại ngôn ngữ chuyên ngành. Theo định nghĩa trong cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học* do Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đồng chủ biên đã cho rằng “kí hiệu” (Tiếng Anh: *sign*) chính là đơn vị truyền đạt ý nghĩa cơ bản nhất. Một sự vật, sự việc trở thành kí hiệu khi nó mang khả năng làm cho người tiếp nhận hiểu được ý nghĩa theo bất cứ một phương thức nào, còn bản thân quá trình truyền đạt phải trải qua sự môi giới nhất định.

Trong hệ thống kí hiệu phong phú và phức tạp của nhân loại, mã (code) là một *kí hiệu đặc biệt*. Theo Từ điển Cambridge, *code* có nghĩa là “hệ thống các từ, ngữ, hoặc có dấu hiệu sử dụng để đại diện cho một thông điệp trong hình thức bí mật, hoặc một hệ thống các con số, kí tự, hoặc các kí hiệu sử dụng để đại diện cho một cái gì đó trong một hình thức ngắn hơn hoặc thuận tiện hơn”<sup>1</sup>. Vậy trong “mã” đã có sự “nén lại”, có những “thông điệp bí mật” đòi hỏi phải được “giải mã”. Vì thế hệ thống các kí hiệu để “tạo mã” phải có tính chất biểu đạt đặc biệt, diễn ra sự quy ước của người thực hiện và người tiếp nhận. Ví dụ thời cổ đại người ta dùng lửa trên núi để báo hiệu có quân thù xâm nhập vào lãnh thổ.

<sup>1</sup><https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/code>

Xâm nhập đường bộ thì đốt một đống lửa, xâm nhập bằng đường thủy thì đốt hai đống, xâm nhập bằng cả hai đường thì đốt ba đống. Mã qua đó như là quy ước đầu tiên được nhận biết qua việc làm mật mã, tức là ám hiệu. Mật mã là phương tiện để truyền tin mà không cho kẻ ngoài cuộc được biết. Con người còn tạo nên các hệ thống mã quy ước nhân tạo nhằm truyền tin bằng phương tiện ngoài ngôn ngữ. Nói như vậy không có

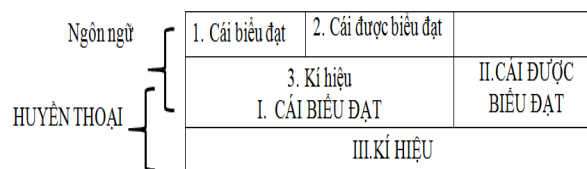
ngữ là mã hoàn toàn được sinh ra từ ý thức của con người. Có nhiều mã hình thành một cách vô thức trong đời sống nhân loại. Chẳng hạn như ngôn ngữ và hệ thống các ngôn ngữ văn hóa lập mã bằng cách ước định tục thành, theo thói quen tích lũy qua nhiều thế hệ.

Trong quá trình lập mã, mã này đẻ ra mã kia, các mã dịch qua dịch lại, mã đẻ ra mã, mã cũ đẻ ra mã mới. Các mã nằm trong mối liên hệ liên mã, và nhờ thế chúng có thể dịch lẫn nhau trong kí hiệu quyển. Trong các hệ thống mã, mã ngôn ngữ là hệ thống mã cơ bản nhất, dựa vào đó để lập ra các mã khác. Các mã khác dù đa dạng đến đâu, khi muốn hiểu người ta đều phải tìm cách dịch về mã ngôn ngữ.

F. de Saussure trước đây đã làm sáng tỏ bản chất kí hiệu của ngôn ngữ và khẳng định ngôn ngữ chính là hệ thống tín hiệu tiêu biểu nhất. Tuy nhiên đó mới là ngôn ngữ tự nhiên. Khi đi vào tác phẩm văn chương, ngôn ngữ đã được tái mã hóa để trở thành ngôn ngữ nghệ thuật. Mà theo đó, cả ngôn ngữ tự nhiên và ngôn ngữ nghệ thuật là hai tầng bậc khác nhau. Đó là cấu trúc hai tầng bậc kí hiệu: tầng thứ nhất bao gồm ngôn ngữ tự nhiên và các ngôn ngữ nhân tạo khác, tầng thứ hai bao gồm các ngôn ngữ nghệ thuật (gồm văn học, âm nhạc, kiến trúc, hội họa, điện ảnh...). Hai tầng cấu trúc này có sự gắn kết mật thiết và phụ thuộc vào nhau. Nói như vậy có nghĩa là, văn học nghệ thuật không đơn thuần sử dụng ngôn ngữ tự nhiên mà sử dụng một loại ngôn ngữ đặc biệt khác, được xây chồng lên ngôn ngữ tự nhiên và được xem như là hệ thống thứ hai. Đặc điểm này được lí giải cụ thể trong lí thuyết kí hiệu học của R. Barthes và chức năng thi học của R. Jakobson khi bàn về hệ thống kí hiệu học biểu thị và kí hiệu học hàm thị trong ngôn ngữ văn chương.

Trong cuốn *Những huyền thoại* (1957), Roland Barthes đã đưa ra khái niệm huyền thoại (*Myth*) như một “siêu ngôn ngữ” (*meta-language*). Huyền thoại đã nắm bắt các kí hiệu để xây dựng một hệ thống riêng. Tác giả xác định “huyền thoại là một ngôn từ nhưng không phải ngôn từ nào cũng là huyền thoại”, mặt khác, “huyền thoại là một hệ thống thông báo, đó là một thông điệp” [1, tr.289]. Dựa vào học thuyết ngôn ngữ học cấu trúc của Ferdinand de Saussure và ảnh hưởng của Lesvi Strauss, R. Barthes đã phân tích huyền thoại như một siêu ngôn ngữ trong hệ thống kép, trong đó, sơ đồ hợp

thành hệ thống ngôn ngữ xếp chồng lên sơ đồ hợp thành hệ thống huyền thoại [1, tr.299]:



Theo sơ đồ trên, huyền thoại cũng có dạng thức gồm ba yếu tố như ngôn ngữ: cái biểu đạt, cái được biểu đạt và kí hiệu. Nhưng cái biểu đạt trong hệ thống huyền thoại chính là kí hiệu của hệ thống ngôn ngữ thứ nhất. Như vậy, cái biểu đạt trong huyền thoại “đồng thời vừa là nghĩa vừa là hình thức, phía này đầy ắp, phía kia trống rỗng” [1, tr.302]. Cho nên huyền thoại như một hệ thống kí hiệu thứ hai, một siêu ngôn ngữ. Cách phân tích của R. Barthes đã mở ra sự nối kết giữa huyền thoại và văn học qua những tầng nghĩa của lớp vỏ ngôn từ và ngôn từ là chất liệu sáng tác của văn học.

Như vậy, một tác phẩm văn chương từ khi ra đời đã chứa đựng một mã kí hiệu riêng biệt - mã văn học - được tạo thành bởi hệ thống kí hiệu nhỏ. Người tiếp nhận khi đi tìm hiểu văn bản nghệ thuật đó cũng chính là đang giải mã kí hiệu mà nhà văn đã chuyển tải vào trong tác phẩm. Do đó, việc nghiên cứu, trình bày một tác phẩm văn chương nói riêng và nghệ thuật nói chung là quá trình giải mã tác phẩm đó theo các phương thức “mã hóa” tùy thuộc vào đặc trưng thể loại.

Như vậy, Roland Barthes đã xem huyền thoại thuộc lĩnh vực kí hiệu học. Đây là yếu tố mang cấu trúc của hệ thống kí hiệu, và muốn “tháo dỡ” huyền thoại, người đọc phải biết được cấu trúc của nó. Đây chính là cơ sở cho thấy nghiên cứu mã huyền thoại sẽ là một trong những con đường quan trọng để kiến giải tác phẩm văn học.

### 3. Một số mã huyền thoại trong văn học

Sự lan tỏa của huyền thoại với những biểu tượng, cổ mẫu, tri thức trong tâm thức nhân loại khiến cho những câu chuyện vừa thiêng vừa phàm ấy trở thành hiện tượng được quan tâm mạnh mẽ, đặc biệt trong thế kỉ XX. Những nghiên cứu huyền thoại theo nhiều trường phái khác nhau thực sự đã mang lại cái nhìn đa dạng đối với đời sống văn hóa loài người xuyên suốt lịch sử. Và hơn thế, huyền thoại đã tái sinh trong đời sống hiện đại với nhiều khuôn hình khác nhau. Riêng

trong văn học, huyền thoại mang lại sức sống mới khi các nguyên mẫu được tái dựng trên phong nền của một lịch sử sống động với bao chất liệu cuộc sống đầy xáo trộn thời hiện đại. Sức lan tỏa của huyền thoại là nhờ nhiều hình thức kí mã đặc biệt từ biểu tượng, cổ mẫu, tri thức cho đến mô hình. Tìm hiểu khía cạnh này sẽ giúp chúng ta nắm được kiểu mẫu chung của một số huyền thoại đặc biệt.

### 3.1. Huyền thoại gốc (monomyth) về người anh hùng

Thuật ngữ *Monomyth* (huyền thoại gốc) được nhà nghiên cứu huyền thoại nổi tiếng Joseph Campbell định danh trong *Người anh hùng với nghìn gương mặt* (*The Hero with a Thousand Faces*, 1949), tuy nhiên ông cũng cho biết đã vay mượn thuật ngữ này từ cụm từ *monomyth* trong tác phẩm *Finnegans Wake* của nhà văn vĩ đại James Joyce. Trong tác phẩm của mình, Joseph Campbell đã xây dựng một mẫu hình cơ bản cho rất nhiều truyện kể trên thế giới, đặc biệt là huyền thoại. Ông cho rằng một số lượng lớn các huyền thoại của nhân loại từ khắp các khu vực, vùng miền, văn hóa và thời đại khác nhau đều chia sẻ một cấu trúc và các phân đoạn cơ bản thống nhất. Nền tảng cấu trúc các truyện kể đó được ông mô tả kĩ lưỡng trong *Người anh hùng với nghìn gương mặt* và đưa ra thuật ngữ *monomyth* mà sau này được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực nghiên cứu huyền thoại. Trong chuyên khảo này, Joseph Campbell đã kết nối cả chủ nghĩa nghi lễ và phân tâm học của Jung để xây dựng một huyền thoại gốc “tái tạo lịch sử tổng hợp của người anh hùng dưới dạng một chuỗi các sự kiện thống nhất: bắt đầu từ việc rời nhà, được các lực lượng siêu nhiên trợ giúp, những thử thách trên đường đi, nắm được các sức mạnh ma thuật và kết thúc là sự quay trở về bình an” [2, tr.81].

Theo cuốn *Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu và Hoa Kỳ thế kỉ XX* do các nhà nghiên cứu người Nga biên soạn, thuật ngữ *monomyth* (có thể dịch là thần thoại gốc) được định nghĩa: “Được dùng để trở thành thần thoại đầu tiên mà theo nhiều nhà nghiên cứu, nó làm cơ sở của toàn bộ trần thuật thần thoại về sau và toàn bộ sáng tác nghệ thuật nói chung. “Thần thoại gốc” được hiểu như cái cấu trúc đầu tiên, dạng cố định (*invariant*) thần thoại đầu tiên dường như hiện diện một cách bất biến và biểu lộ ở tất cả các tác phẩm nghệ thuật. Đây là mẫu gốc (*archetype*) của toàn bộ văn học, một motif phổ quát của văn học” [4, tr.380].

Trong phần dẫn nhập cuốn sách của mình, Joseph Campbell đã tóm lược lại tinh thần của các câu chuyện huyền thoại và hành trình của người anh hùng như sau:

“Người anh hùng mạo hiểm ra đi từ thế giới thông thường để dần bước vào xứ sở của những điều siêu nhiên bí ẩn: đối mặt với những thế lực thần bí phi thường và dành lấy chiến thắng quyết định: người anh hùng trở về từ cuộc phiêu lưu kì diệu với một nguồn sức mạnh lớn lao để thực hiện những cống hiến cho đồng bào của mình” [2, tr.48].

Trong những nghiên cứu sâu hơn, Joseph Campbell đã phân tích nhiều tác phẩm và khái quát nên mô hình gồm 17 giai đoạn (*stages*) hay 17 bước (*steps*) cơ bản của cuộc hành trình người anh hùng. Nhà huyền thoại học cũng nhấn mạnh rằng không phải tất cả huyền thoại đều chứa đựng đầy đủ các bước mà đôi khi chỉ tập trung vào một số giai đoạn cụ thể. Tuy vậy, cấu trúc này của huyền thoại vẫn được kí mã rõ nét trong nhiều tác phẩm văn chương. 17 giai đoạn ấy có thể được tổ chức thành 3 phần (*sections*) với các nội dung cụ thể như sau:

- A. Khởi hành:**
  1. Tiếng gọi của cuộc phiêu lưu
  2. Từ chối tiếng gọi
  3. Viện trợ siêu nhiên
  4. Vượt qua ngưỡng đầu tiên
  5. Bụng cá Voi
- B. Thụ pháp:**
  6. Con đường thử thách
  7. Gặp gỡ với nữ thần
  8. Cám dỗ từ người đàn bà
  9. Chuộc lỗi với Cha
  10. Phong thần
  11. Phần thưởng cuối hành trình
- C. Quay về**
  12. Từ chối quay về
  13. Chuyển bay thần kì
  14. Thoát khỏi tình huống bất khả
  15. Vượt qua đoạn trở về
  16. Làm chủ hai thế giới
  17. Tự do sống

Dựa trên mô hình này, ta có thể nhận thấy dấu vết của huyền thoại trên nhiều tác phẩm văn học, điện ảnh từ xa xưa cho đến hiện đại. Người anh hùng với những cuộc khám phá là hiện thân cho lịch sử nhân loại và khát vọng muôn thuở của tâm lí tập thể. Bước đường chinh phục thế giới được tái hiện rõ nét qua huyền thoại. Các bộ sử thi như *Iliad*, *Odyssey*..., tiểu thuyết *Bài ca*

Solomon (Toni Morrison), *Nhà giả kim* (Paolo Coelho)... là những ví dụ tiêu biểu cho dấu vết của mô hình huyền thoại này.

### 3.2. Huyền thoại Chén thánh

Chén Thánh (*Holy Grail* hay *Chalice*) là một biểu tượng độc đáo trên nhiều phương diện trong đời sống tôn giáo và văn học của con người. Theo truyền thuyết, Chén Thánh chứa sức mạnh vô biên bởi đó chính là cái chén (hoặc đĩa, hoặc ly) mà Chúa Jesus đã dùng trong bữa tiệc cuối cùng (Bữa tiệc ly) trước khi Chúa bị đóng đinh trên cây thập tự giá. Trong buổi tiệc tiên tri về cái chết và sự phản bội, Người đã phán: “*Hãy lấy ăn đi, (bánh) này là Thân thể Ta, vỡ ra vì các người. Hãy lấy chén và uống; (rượu nho) này là Huyết Ta, đổ ra cho nhiều người để được tha tội*”. Chiếc chén đựng rượu được hóa phép thành Máu Thánh đã đi vào huyền thoại, trở thành một trong những biểu tượng trung tâm của thế giới thần học Kito giáo.

Chén Thánh còn được thêu dệt qua câu chuyện khi Chúa bị đóng đinh trên cây Thánh giá, mồ hôi và máu Ngài đã rơi xuống chén của Joseph d' Arimathie. Nhờ chén Thánh ấy mà Joseph đã sống sót qua đợt truy sát người Công giáo của La Mã. Ông ta ẩn nấp trong một cái hang và uống máu tươi từ chiếc chén thần thánh để cầm cự sự sống. Đến khi thoát ra khỏi hang, Joseph cùng gia đình đã phiêu dạt tới nước Anh. Sau này, vị vua Arthur huyền thoại của nước Anh và các Hiệp sĩ Bàn tròn (Knight of the Round Table) ra sức tìm kiếm chiếc chén ẩn đầy sức mạnh vô biên này. Niềm tin về sự hiện diện và quyền năng của chiếc chén cứ như thế tiếp tục lan truyền cho đến thời hiện đại.


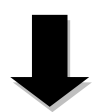

Câu chuyện về chiếc Chén Thánh đã trở thành một huyền thoại thiêng liêng tuyệt đẹp trong đời sống nghệ thuật của con người. Danh họa của thời đại Phục Hưng - Leonardo Da Vinci - có bức họa nổi tiếng mang tên “Bữa tiệc ly” (*The Last Supper*). Và hình ảnh Chén Thánh còn xuất hiện trong hàng loạt tranh vẽ của họa sĩ Italia tài danh như Jacopo Bassano (1510-1592), hay họa sĩ, thi sĩ người Anh là Dante Gabriel Rossetti (1828-1882)... Văn chương tiếp tục nuôi dưỡng những tưởng tượng vô biên của con người về sức sống của Chén Thánh trong thơ ca, tiểu thuyết của nhiều tác giả. Tác phẩm đầu tiên về Chén Thánh là *Perceval, le Conte du Graal* (*Perceval, câu chuyện về Chén Thánh*) của nhà thơ Pháp Chretien de Troyes. Bài thơ vẫn còn dang dở

này được sáng tác trong khoảng thời gian giữa 1180 và 1191, có ảnh hưởng mạnh mẽ trong văn học châu Âu thời Trung Cổ và hiện đại. Nhưng phải nói rằng, đến tác phẩm *Joseph d'Arimathie* của Robert de Boron, Chén Thánh mới hiện diện một cách toàn vẹn theo sự tưởng tượng và mong đợi của độc giả, nối tiếp câu chuyện lưu lạc của chiếc chén đến nước Anh và mở ra huyền thoại nữa liên quan đến vua Arthur cùng các Hiệp sĩ Bàn Tròn. Sự hấp dẫn bí ẩn của Chén Thánh giống như nụ cười nàng Mona Lisa thật khó lí giải, cuộc tìm kiếm bất tận chiếc chén ấy đã dẫn dắt người đọc qua bao trang viết mê hoặc, kì ảo và sâu thẳm của nhiều nhà văn qua các thời đại khác nhau. Chẳng hạn cuốn tiểu thuyết lịch sử *The Silver Chalice* (*Chén Thánh bạc*, 1952) của Thomas B. Constain, được chuyển thể thành phim năm 1954, đứng đầu trong danh sách *Bestseller* trên Tạp chí New York Times từ 7/9/1952-8/3/1953 và duy trì nằm trong top sách bán chạy nhất suốt 64 tuần tiếp theo. Motif cốt truyện *Truy tìm Chén Thánh* cũng xuất hiện trong series *The Grail Quest* (*Truy tìm Chén Thánh*) của Bernard Cornwell (nhà văn Anh, 1944 -?) kể về cuộc tìm kiếm Chén Thánh diễn ra trong thế kỉ XIV, khoảng thời gian của Cuộc chiến Trăm năm; cuốn tiểu thuyết kì ảo có tên *The War Hound and the World's Pain* (1981) của Michael Moorcock (nhà văn Anh, 1939); hay tiểu thuyết khoa học viễn tưởng có tên là *Nova* viết năm 1968 của nhà văn Hoa Kỳ Samuel R. Delany (1942); *War in Heaven* (*Chiến tranh ở Thiên đàng*) của Charles Williams (nhà văn Anh, 1886-1945); *The Sign and the Seal* (*Dấu hiệu và Chiếc ấn*) của nhà văn Anh Graham Hancock (1950-?); *Holy Blood, Holy Grail* (*Máu Thánh, Chén Thánh* - tác giả: Michael Baigent, Richard Leigh, and Henry Lincoln) hay cuốn *Baudolino* do Umberto Eco (1932-?) xuất bản năm 2000 kể về cuộc phiêu lưu của chàng trai trẻ tên Baudolino trong thế giới huyền thoại Kito giáo. Tuy nhiên, đỉnh đám gần đây nhất với cốt truyện Chén Thánh có thể nhắc đến cuốn tiểu thuyết *Mật mã Da Vinci* (*Da Vinci Code*) của nhà văn người Anh Dan Brown (1964-?)... Đó là chưa kể đến hàng loạt các tuyệt phẩm điện ảnh lấy cảm hứng từ câu chuyện Chén Thánh.

Có thể nói, hình tượng Chén Thánh mang tính huyền thoại - tôn giáo có khả năng đánh thức những cuộc tìm kiếm vô tận trong sáng tạo nghệ thuật. Bởi Chén Thánh không chỉ là một biểu tượng thiêng liêng thần bí, mà hơn hết là khát vọng muôn thuở cho sự tri

ngộ, cho sự tìm kiếm cái hiền minh đã mất, sự khai thị và chân ngã. Chính vì thế, hình tượng Chén Thánh thường gắn với câu chuyện về Fisher King (Vua Đánh Cá), người bị vết thương hành hạ đến hoang phế cả vùng đất xung quanh và đợi chờ các hiệp sĩ của vua Arthur hóa giải nỗi đau thông qua hành động truy tìm chiếc chén thần thánh ấy. Cổ mẫu được xem có gốc gác từ huyền thoại Celtic. Chiếc Chén có khả năng huyền diệu làm phục sinh nỗi trầm luân đau khổ của phận người, của kiếp đời. Và cuộc truy tìm Chén Thánh chính là sự dẫn thân để thụ pháp, để khám phá chính bản thân và khám phá giá trị cao nhất của sự sống. Văn học hiện đại đã tái hiện câu chuyện Chén Thánh dưới nhiều hình thức khác nhau, cơ bản gắn với motif Truy tìm Chén Thánh như một cảm hứng chủ đạo xuyên suốt, chẳng hạn bài thơ nổi tiếng *Đất hoang* (*The Waste Land*) của T.S.Eliot, tiểu thuyết *Lễ hội mặt trời* (*Ceremony*) của nhà văn nữ người Mỹ gốc da đỏ Leslie Marmon Silko, hay các tiểu thuyết khốc liệt của nữ văn sĩ Mỹ gốc Phi Toni Morrison như *Người yêu dấu* (*Beloved*), *Bài ca Solomon* (*Song of Solomon*)...

Về cơ bản, motif *Truy tìm Chén Thánh* trong văn học hiện đại có thể không xuất hiện một Chén Thánh cụ thể, thực sự nào, không nói về cuộc hành trình tôn giáo đã bắt đầu từ vạn cổ kia, mà khắc họa hình tượng con người “vong thân”, mất mát tận sâu trong cái gọi là “bản lai diện mục” (*identity*) và cuộc tìm kiếm đầy trần trở để lần ngược về với cõi minh triết bất tử. Motif này được khai thác dưới dạng: nhân vật (giống như Vua Đánh Cá) bị thương tổn, dẫn vật và lạc lõng, nỗ lực vượt qua bao trở ngại, thử thách bên ngoài cũng như bên trong chính bản thân mình, để rồi cuối cùng khám phá và giác ngộ. Nhưng nếu Vua Đánh Cá trong huyền thoại Chén Thánh cổ xưa đã từ bỏ hi vọng, tan nát chờ chết, nương nhờ lòng can đảm và sức mạnh của các Hiệp sĩ tìm kiếm Chén Thánh thì trong các tác phẩm hiện đại, nhân vật thường nỗ lực để vượt lên chính mình, dẫn thân vào hành trình thụ pháp, cuối cùng đạt được “ân huệ” lớn nhất. Chén Thánh tìm được không chỉ có khả năng hồi sinh Vua Đánh Cá mà còn khiến cả vùng đất hoang tàn sống lại mà Chén Thánh ở đây còn là biểu tượng của chính đích đến cuối cùng của con người trong hành trình dài “luyện ngục”. Như vậy, có thể tạm diễn đạt nội dung cơ bản của motif này dưới sơ đồ:

Vua Đánh Cá bị thương / Mảnh đất xung quanh bị khô cằn 	→ Hiệp sĩ Bàn Tròn truy tìm Chén Thánh 	→ Cứu sống Vua Đánh Cá và hồi sinh mảnh đất đã cằn khô 
Nhân vật “chấn thương” / không gian “hoang phế”	→ Hành trình thụ pháp/ có thể xuất hiện một nhân vật có ý nghĩa chỉ phối cuộc hành trình	→ Khám phá được cội rễ, bản sắc, hồi sinh thể xác và tâm hồn...

Motif *Truy tìm Chén Thánh* thường hòa quyện với cốt truyện huyền thoại *monomyth* (huyền thoại gốc) về người anh hùng trải qua quá trình *ra đi phiêu lưu - thụ pháp - trở về*. Cả *Monomyth* và *Truy tìm Chén Thánh* đều phản ánh tư duy huyền thoại cổ xưa về chu kỳ tái sinh của cuộc sống loài người. Đó là một cổ mẫu có sức sống lâu bền trong tâm thức nhân loại và khơi gợi cảm hứng vô tận cho sáng tạo nghệ thuật.

### 3.3. Huyền thoại chu kỳ (chết - tái sinh)

Theo nhiều nhà phê bình huyền thoại, đại diện là James George Frazer và Northrop Frye, các nguyên mẫu huyền thoại thường quy về nghi lễ theo mùa, sự vận hành chu kỳ mùa vụ của tự nhiên (*chết - tái sinh*). Bản chất của vũ trụ cũng nằm ở tính chu kỳ này. Vận dụng nó trong cấu trúc cốt truyện tiểu thuyết nghĩa là nhà văn đồng thời khai thác một huyền tích (*mytheme*) phổ biến trong tâm thức nhiều dân tộc: vòng quay bốn mùa và khả năng hủy diệt - tái sinh, hiến tế - cứu chuộc.

Chẳng hạn cuốn tiểu thuyết *Jazz* của nhà văn Mỹ Toni Morrison là câu chuyện theo các mùa. Các mốc thời gian cụ thể dù có hiện diện nhưng dường như đã nhòe mờ tan vào những kí ức đã rất xa xưa cho đến quá khứ còn mới rọi trước mắt cứ liên tục đan xen vào dòng chảy truyện. Mở đầu tác phẩm là mùa đông lạnh lẽo với các con đường, phố xá đóng băng và bị kịch được phơi bày của các nhân vật chính. Cả cuốn tiểu thuyết không gọi tên chương, cũng không đánh số, mà tất cả nối tiếp nhau qua các mùa, như người kể chuyện đã nói: “From freezing to hot to cool” (*Từ băng giá sang nóng sang mát*). Tác phẩm đi từ mùa Đông, rồi mùa Hạ, và về lại Xuân. Ngược vòng xoay vũ trụ. Cũng như *Mắt biển*,

mọi bi kịch đã được “phơi” ra từ đầu truyện - cái chết của Dorcas và sự tan vỡ trong gia đình Joe Trace - Violet. Tuyết rơi trên đại lộ Lenox, Violet đã biết chồng ngoại tình và bắn chết cô nhân tình trẻ. “Giống như cái ngày đó vào tháng 7...”, mùa hè với âm thanh tiếng trống âm ỉ của ngày lễ Độc lập. “Và khi mùa xuân đến với thành phố...”, người ta bắt đầu chú ý đến những điều lạ đang xuất hiện. Không lướt theo các mốc thời gian như năm 1926 hay 7 năm trước đó (1917)..., người đọc chỉ chú ý những giai điệu theo mùa.

Hoặc, rõ nét nhất về kết cấu thời gian theo mùa phải nói đến cuốn *Mắt biếc* cũng của Toni Morrison - một nhà văn đại diện cho khuynh hướng tiểu thuyết huyền ảo hiện đại, thường xây dựng tác phẩm với nhiều nguyên mẫu huyền thoại. Với cốt truyện về số phận một cô bé da đen Pecola luôn đầy mặc cảm xấu xí và nguyện ước có đôi mắt xanh để thoát kiếp bị ghẻ lạnh, khinh miệt, tàn bạo, bị cha ruột cưỡng hiếp đến mang thai, *Mắt biếc* thực sự gây ấn tượng bởi kết cấu bốn chương mang tên bốn mùa: **Thu - Đông - Xuân - Hạ**. Bốn phần của cuốn tiểu thuyết là bốn mùa vĩnh hằng. Đó là huyền thoại lịch biểu. Cốt truyện được triển khai trên vòng xoay chu kỳ mang đậm tính mùa vụ của tự nhiên. Cốt truyện như vậy gắn với huyền thoại về nàng Persephone, con gái của nữ thần Demeter nông nghiệp và Chúa tể thần linh Zeus, người đã bị thần Âm phủ Hades (người La Mã gọi là thần Pluto) bắt cóc về làm vợ. Bị mất con, Demeter đau khổ trừng phạt nhân gian bằng việc cấm hạt giống không được nảy mầm, các cánh đồng khô hạn và nát vụn. Hades buộc phải trao trả Persephone, nhưng trước khi trả nàng về nhân gian, thần đã cho nàng ăn những hạt lựu của thế giới Âm phủ. Persephone mãi mãi không thể thuộc về cõi trần gian hoàn toàn, bởi thần linh đã quy định, ai ăn gì nơi Địa phủ thì phải thuộc về nơi ấy. Zeus đành quy ước, Persephone sẽ sống hai phần ba thời gian của năm cùng với mẹ, còn lại phải ở với chồng dưới Âm phủ. Khi nàng vắng bóng, thế gian khô cằn. Nàng sẽ trở lại với ánh nắng mùa xuân và những hạt mầm nảy nở trên cánh đồng tươi tốt.

James George Frazer trong công trình nổi tiếng *Cành vàng* đã phát hiện câu chuyện Persephone dưới góc độ nghi lễ. Ông cho rằng sự biến động của các mùa trong năm không chỉ dựa trên các lý thuyết tôn giáo, mà đúng hơn, đây là sự thực hành nghi lễ. Trong *Cành*

*vàng*, Frazer xác định niềm tin và sự thực hành thần thoại được chia sẻ giữa các tôn giáo nguyên thủy và tôn giáo hiện đại. Frazer lập luận rằng mô hình huyền thoại *chết - tái sinh* hiện diện trong hầu hết các thần thoại ở các nền văn hóa khác nhau, được tượng trưng bởi cái chết (tức là thu hoạch cuối cùng) và tái sinh (tức là mùa xuân) của vị thần nông nghiệp. Và nhà thơ Homer kể cho chúng ta nghe câu chuyện nàng Persephone thực chất không chỉ là sự thể hiện huyền thoại mà là lời chỉ dẫn cho nghi lễ tụng ca nữ thần lúa mì Demeter, một hoạt động mang tính ma thuật. Cả Demeter và Persephone đều là hiện thân của cây lúa mì, được tôn thờ trong văn hóa Hy Lạp, Ai Cập và một số vùng ở Bắc Âu. Tước đi tất cả những ám ảnh thần bí thì ẩn trong lớp vỏ thần thoại - nghi lễ thì còn lại là thế giới quan trong trẻo của những con người thời Hy Lạp vàng son, được chiếu rọi bởi những tia sáng rực rỡ của nền văn học - nghệ thuật gốc rễ của phương Tây hiện đại.

Toni Morrison cũng trở lại huyền tích phổ biến về chu kỳ vận hành mang tính tự nhiên để cấu tạo nên 4 chương với tên gọi theo mùa. Nhưng nghi lễ tụng ca bốn mùa không tinh thức được hạt giống. “Hạt giống” mà cha Pecola “cấy” vào cô con gái nhỏ rớt cuộc đã lụi tàn, như báo hiệu ngày tàn từ một bi kịch phi luân, như khái huyền sắp đến và nàng Persephone mãi mãi không thoát khỏi địa ngục đen tối âm u. Câu chuyện bắt đầu vào Mùa Thu - tương ứng với huyền thoại về sự suy tàn, về cái chết, sự bức tử và lễ hiến sinh, sự ruồng rẫy nhân vật. Đây là cỗ máy của bi kịch và bi ca như lời của Frye.

#### 4. Kết luận

Một tác phẩm văn chương luôn mang bản chất là một siêu kí hiệu với các lớp mã ngữ nghĩa, các kí hiệu lớn nhỏ chồng lấp lên nhau. Huyền thoại cũng không nằm ngoài những kí hiệu trên văn bản nghệ thuật. Đây được xem là một loại hình đặc biệt của ngành khoa học kí hiệu - loại hình dẫn tới quá trình định danh nói chung, khiến cho kí hiệu trong ý thức huyền thoại tương đương với một tên gọi riêng, có vai trò hết sức quan trọng. Tìm hiểu các mã huyền thoại của truyện kể với tư cách là mã gốc mà sau đó đã tiếp tục biến đổi do được phiên dịch vào các hệ thống mã văn hóa hiện đại phức tạp hơn, việc nghiên cứu giải mã các tác phẩm văn chương trở nên có chiều sâu, gắn bó với các hiểu biết sâu rộng liên quan đến các lĩnh vực liên ngành khác.

Đồng thời mở ra bao nhận thức mới mẻ cho người đọc trong quá trình khám phá các sáng tạo nghệ thuật.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Roland Barthes (Phùng Văn Tửu dịch) (2008). *Những huyền thoại*. NXB Tri thức.
- [2] Joseph Campbell (1949). *The Hero with a Thousand Faces*. Princeton University Press.
- [3] James Geogre Frazer (2007). *Cành vàng - Bách khoa toàn thư về văn hóa nguyên thủy*. NXB Văn hóa Thông tin.
- [4] I. P. Ilin và E. A. Tzugranova (Đào Tuấn Ảnh, Trần Hồng Vân, Lại Nguyên Ân dịch) (2003). *Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu và Hoa Kỳ thế kỷ XX*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Iu. M. Lotman (Lã Nguyên - Đỗ Hải Phong - Trần Đình Sử dịch) (2015). *Ký hiệu học văn hóa*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] E. M. Meletinsky (2004). *Thi pháp của huyền thoại*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nhiều tác giả (2004). *Từ điển Văn học (Bộ mới)*. NXB Thế giới.

## MYTHICAL CODES IN WESTERN LITERATURE

**Abstract:** The myth is a central phenomenon in the history of culture, as well as an ancient means to perceive the world and human's nature. The myth is also the first paradigm of all ideologies, the cradle of the various cultural forms of literature, art, religion and even philosophy and science. Therefore, the myth becomes a "code", a special artistic sign of Western literature. The power of the myth in modern Western literature is due to many forms of special symbols, archetypes, and mythical models (like a journey or a quest). This article shows the role and meaning of the myths as symbols in semiotics with some famous mythical codes in literature such as *Monomyth* (Hero's Journey), *Holy Grail* and the *death-rebirth myth*.

**Key words:** myth; code; semiotics; *Monomyth*; *Holy Grail*.